

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 17-4-2023
V/v Yêu cầu bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hùng.

2. Ông Trần Hữu Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/3/2023; ngày 03/4/2023 và ngày 17/4/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N – Sinh năm: 1948; Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giang Tuấn A – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Giang Tuấn Anh: Người đại diện theo ủy quyền của ông Giang Tuấn Anh: Ông Trần Quốc T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh Đ1; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S,

tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Quang T**; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa ngày 29/3/2023; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 03/4/2023 và ngày 17/4/2023.

- Ông **Nguyễn Thanh X**; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Ông **Hà Đình L**; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H**; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/8/1993, ông Nguyễn Thanh Điềm có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H một thửa đất tại thôn Bắc Lũng, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có diện tích là 104m² thuộc thửa đất 394A, tờ bản đồ số 18, loại đất thổ cư theo Sổ thuế nông nghiệp gia đình số 78 mang tên ông Nguyễn Thanh Điềm. Ngày 20/9/1994, bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 104m² nói trên cho ông Nguyễn Văn Đ. Ngày 21/9/1996, ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất 104m² nói trên cho ông N. Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo vẽ lại bản đồ. Theo bản đồ địa chính (đo đạc năm 1997) của thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, diện tích đất 104m² nói trên của ông N được xác định là thửa đất số 22, tờ bản đồ 22, có diện tích 76,1m², loại đất thổ cư. Ông N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế; các khoản lệ phí theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất nói trên và sử dụng ổn định từ năm 1996 đến năm 2001 thì Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang lấy để chia lô bán cho người dân. Khi Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tiến hành thu hồi lại diện tích đất của ông N thì không có Quyết định thu hồi và cũng không có Văn bản, thông báo gì khác; không thực hiện đền bù, bồi thường gì. Việc Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã căn cứ vào Biên bản Cuộc hội nghị hiệp thương giữa chính quyền địa phương và Nông trường T số: 112/BB ngày 15/3/1965 và Quyết định số: 222/QĐ-UB ngày 12/6/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh H xác định toàn bộ diện tích đất bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Đ (sau đó, ông Đ chuyển nhượng lại cho ông N) là diện tích đất của Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T quản lý là không có cơ sở và không quy định của pháp luật đất đai. Toàn bộ quá trình mua bán, chuyển nhượng diện tích đất 104m² (từ thời điểm ông Đ1 bán cho bà H, bà H bán cho ông Đ) đều được Ủy ban nhân dân xã K (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn S) xác nhận cho việc mua bán và thực hiện việc đóng thuế, các khoản lệ phí theo đúng quy định của nhà nước. Ngoài ra, bà H còn đã được cấp sổ thuế nông nghiệp. Do vậy, quyền lợi của ông N bị xâm phạm nên ông Nguyễn Văn N khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tại Tòa án với nội dung sau:

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 104m² đất thổ cư vị trí tương đương với đất bị thu hồi hoặc bồi thường bằng tiền với giá trị hiện nay là 2.500.000.000đ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N do không được sử dụng diện tích đất từ năm tháng 11/2001 đến khi được bồi thường là 20,5 năm số tiền: 30.000.000đ/năm x 20,5 năm = 615.000.000đ.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Văn N số tiền: (1.490.000đ/tháng x 07 tháng) x 20,5 năm = 213.815.000đ.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về nguồn gốc của thửa đất ông Nguyễn Văn N đề nghị Tòa án giải quyết là do ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H theo giấy chuyển nhượng ngày 04/9/1994 được Ủy ban nhân dân thị trấn ký xác nhận ngày 25/9/1994. Tại bản đồ địa chính (đo vẽ năm 1997) do Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, thửa đất ông N đề nghị Tòa án giải quyết thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 22, diện tích 76,1m². Tuy nhiên, trong sổ mục kê trang số 62, thửa số 22, tờ bản đồ số 22, diện tích 76,1m², loại đất thổ cư ký hiệu T, không thể hiện tên chủ sử dụng đất. Tại biên bản hiệp thương số 112/BB, ngày 15/3/1965 giữa chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân huyện S và Nông trường chè T đã xác định ranh giới và đất đai giữa Nông trường và địa phương thì phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị H nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Đ đã được bàn giao cho Nông trường T quản lý. Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2001, giữa phòng Địa chính huyện, Chi cục Thuế S, Công ty chè T, Ủy ban nhân dân thị trấn S đã xác định: Toàn bộ diện tích đất khu vực Cầu S tính từ khu Huyện uỷ đến giáp sông Phó Đáy (trong đó có thửa đất ông Nguyễn Văn Đ đang sử dụng) là đất của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè T (nay là Công ty chè T) quản lý. Như vậy, chủ sử dụng đất là Xí nghiệp Nông công nghiệp chè T.

Kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền: Ngày 25/10/1993 Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 680/QĐ-UB về việc thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty chè T tại khu Chợ Chiều, trong đó có lô số 44 và giao cho Ủy ban nhân dân huyện S lập quy hoạch khu dân cư. Thực hiện Quyết định số 661/QĐ-UB ngày 26/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm nhà ở khu dân cư Chợ chiều và khu dân cư từ Ngã ba cầu S đến Đội vật liệu xây dựng của Công ty chè T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thửa đất ông Đ đang sử dụng nằm trong quy hoạch khu dân cư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thuộc lô số 44, diện tích 80m². Thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N đang sử dụng nằm trong quy hoạch chi tiết nhóm nhà ở khu dân cư Chợ chiều và khu dân cư từ ngã ba cầu S đến Đội vật liệu xây dựng của Công ty chè T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang tại Quyết định số 661/QĐ-UB ngày 26/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Việc thu hồi đất xây dựng khu dân cư Chợ chiều, thị trấn S theo Quyết định số 680/QĐ-UB, ngày

25/10/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất. Đối tượng thu hồi đất là Công ty chè T.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N:

Về công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng công trình: Nhóm nhà ở khu dân cư Chợ chiều, thị trấn S đã được thực hiện theo đúng quy định. Các ý kiến vướng mắc liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Nhóm nhà ở khu dân cư Chợ chiều, thị trấn S, huyện S của một số hộ gia đình (trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ) đã được cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết theo đúng quy định. Do vậy Ủy ban nhân dân huyện S không nhất trí đối với tất cả 03 yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành mở phiên hòa giải được (đương sự có đơn đề nghị không hòa giải). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn; bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ tranh chấp: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.
2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N được miễn toàn bộ án phí.
3. Về quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Ngày 21/9/1996, ông Nguyễn Văn Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N diện tích đất tại thôn Bắc Lũng, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có diện tích là 104m² thuộc thửa đất 394A, tờ bản đồ số 18, loại đất thổ cư. Theo bản đồ địa chính (đo đạc năm 1997) của thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quản lý, diện tích đất 104m² nói trên của ông N được xác định là thửa đất số 22, tờ bản đồ 22, có diện tích 76,1m², loại đất thổ cư. Ông N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế; các khoản lệ phí theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất nói trên và sử dụng ổn định từ năm 1996 đến năm 2001 thì Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang lấy để chia lô bán cho người dân. Khi Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tiến hành thu hồi lại diện tích đất của ông N thì không có Quyết định thu hồi và cũng không có Văn bản,

thông báo gì khác; không thực hiện đền bù, bồi thường gì. Ông N xác định việc Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thu hồi, chiếm giữ trái phép diện tích đất của ông làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông từ năm 2001 cho đến nay. Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang trả lại cho ông Nguyễn Văn N toàn bộ diện tích 104m² thửa đất số 22, tờ bản đồ 229 xã K; vị trí trả lại tương đương với vị trí đất bị chiếm giữ trái phép (đất trong khu dân cư, vị trí 1, đường loại 1); đồng thời, bồi thường thiệt hại cho ông N do không được sử dụng diện tích đất 104m² đất từ năm 2001 đến năm 2022 và bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có trụ sở tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 104m² đất thổ cư vị trí tương đương với đất bị thu hồi hoặc bồi thường bằng tiền với giá trị hiện nay là 2.500.000.000đ.

Diện tích đất ông Nguyễn Văn N đang khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường là diện tích đất thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ 22, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997, có diện tích 76,1m². Diện tích đất này, ông Nguyễn Văn N trình bày, nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Đ theo Giấy nhượng thổ cư ghi ngày 21/9/1996 (ông Nguyễn Văn Đ nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh Diễm).

Xét thấy, diện tích đất này nằm tại khu vực đầu cầu Sắt thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (giáp phía chợ chiều). Tại Biên bản hiệp thương số: 112/BB ngày 15/3/1965 giữa Chính quyền địa phương và Nông trường T mục đích để xác định dứt khoát ranh giới và đất đai giữa Nông trường và địa phương thể hiện: “...*diện tích đất hai bên đường từ cầu sắt S đến suối cầu bì sẽ giao hết cho nông trường để trồng cam...*”. Ngày 28/11/1990, Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường T đã lập Biên bản Xác minh địa giới hành chính của Xí nghiệp Chè T số: 186/BB với nội dung: “I/ *Danh giới: Đất từ đầu cầu Sắt phía đi T và đường đi Tuyên Quang nằm theo sông Đáy phía bắc là của Xí nghiệp Chè T quản lý.* II/ *Xí nghiệp Chè T đã nộp thuế Nông nghiệp hàng năm cho ngân sách huyện S*”. Ngày 01/6/1991, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số: 222/QĐ-UB giao toàn bộ diện tích đất trên cho Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T sử dụng. Tại Biên bản làm việc ngày 09/5/2001, giữa Phòng Địa chính huyện, Chi cục Thuế S, Công ty Chè T và Ủy ban nhân dân thị trấn S xác định: “*Toàn bộ diện tích đất khu vực đầu cầu S tính từ khu Huyện ủy đến giáp sông Phó Đáy là đất Xí nghiệp Nông Công nghiệp chè T (nay là Công ty Chè T)*”

quản lý”. Nên xác định diện tích đất này là của Xí nghiệp Nông Công nghiệp chè T.

Ngày 25/11/1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số: 680/UB-QĐ về việc “Thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất để quy hoạch, thiết kế khu dân cư khu vực huyện S”. Tại Điều 1 của Quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thu hồi diện tích đất của Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T theo Khu vực I với diện tích 5.500m² là đất màu ven đường quốc lộ 37, giao diện tích đất trên cho Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thiết kế quy hoạch dân cư. Sau khi có Quyết định thu hồi, Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quản lý. Ngày 26/6/2000, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số: 661/QĐ-UB về việc “Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết nhóm nhà ở khu dân cư chợ chiều và khu dân cư từ ngã ba cầu S đến Đồi vật liệu xây dựng của Công ty Chè T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, tại Quyết định thể hiện: “a1 – Khu I là khu dân cư chợ chiều có các phía tiếp giáp: - Phía Đông Nam giáp Sông Phó Đáy; - Phía Đông Bắc giáp đường quốc lộ 37 (Đường vào cầu S); - Phía Tây Bắc giáp đường quốc lộ 37 (Phía trước sân Huyện ủy và Công an huyện); - Phía Tây Nam giáp chợ chiều”. Theo quy hoạch chi tiết khu dân cư, diện tích đất của bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ thuộc lô số 44, diện tích 80m².

Ông Nguyễn Văn Đ nhận chuyển nhượng thửa đất trên của bà Nguyễn Thị H theo Giấy chuyển nhượng ghi ngày 04/9/1994. Thời điểm thực hiện chuyển nhượng sau ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã có Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích khu đất (Quyết định số: 680/UB-QĐ ngày 25/11/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang). Đồng thời, việc bà H và ông Đ thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, không thực hiện đầy đủ các thủ tục về chuyển nhượng đất đai theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993: “Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở nông thôn làm tại Ủy ban nhân dân huyện; ở đô thị làm tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”. Tại Kết luận số: 115/KL-TTr ngày 19/11/2007 của Thanh tra tỉnh Tuyên Quang đã kết luận: “Việc Ủy ban nhân dân thị trấn S xác nhận vào Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn Đ (ngày 4/9/1994), sau khi diện tích đất đã được thu hồi tại Quyết định số 680/UB-QĐ ngày 25/11/1993 của UBND tỉnh Tuyên Quang giao diện tích đất thu hồi cho UBND huyện S để chuyển đổi mục đích sử dụng và quy hoạch thiết kế khu dân cư là không đúng thẩm quyền quy định của Luật Đất đai năm 1993.” Như vậy, việc chuyển nhượng đất đai giữa bà H và ông Đ là không hợp lệ. Từ đó, dẫn đến việc chuyển nhượng diện tích đất nói trên giữa ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn N cũng không hợp lệ.

Ông Nguyễn Văn N trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp: Kể từ khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên cấp quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại khu vực đầu cầu Sắt (trong đó có diện tích đang xảy ra tranh chấp) theo Quyết định số: 222/QĐ-UB ngày 12/6/1991, thực tế Xí

ng nghiệp Nông Công nghiệp Chè T chưa bao giờ sử dụng diện tích đất nói trên. Ngày 08/10/2014, Công ty Cổ phần Chè T (trước đây là Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T) có Báo cáo số: 112/BC-CTT giải trình về vấn đề chưa từng sử dụng diện tích đất được cấp và đề nghị trả lại diện tích đất trên về cho địa phương quản lý. Do Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T không quản lý và không giao khoán cho ai nên để người dân tận dụng diện tích đất trên để trồng hoa màu. Năm 1991, ông Ma Kỳ Phụng đã canh tác trên diện tích đất này. Sau đó, ông Ma Kỳ Phụng bán lại một phần diện tích đất cho ông Nguyễn Quang Thiện (sau đó, ông Thiện chuyển nhượng lại diện tích đất này cho ông Nguyễn Thanh Diễm. Ông Đ1 tiếp tục chuyển nhượng lại cho bà H; bà H chuyển nhượng lại cho ông Đ và ông Đ chuyển nhượng lại cho ông N). Tại Biên bản xác minh ngày 11/4/2023 với Công ty Cổ phần Chè T xác định: *“Toàn bộ diện tích thửa đất số 80, tờ bản đồ số 104 theo Bản đồ đo đạc địa chính năm 2012 tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (trước đây là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 22. Hiện nay đang là diện tích xảy ra tranh chấp) không nằm trong diện tích đất của Công ty đang thuê, quản lý theo Quyết định 476. Toàn bộ diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thu hồi theo Quyết định số: 680/UB-QĐ ngày 25/11/1993. Sau khi có quyết định thu hồi, Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất cho Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Do diện tích đất đã được bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh nên Công ty Chè không quản lý diện tích đất đó nữa. Do vậy, trong Báo cáo số: 112/BC-CTT ngày 08/4/2014 của Công ty Cổ phần Chè T không báo cáo việc quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp nói trên”*. Như vậy, không có căn cứ để xác định việc Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T không sử dụng diện tích đất được giao và để cho người dân tận dụng trồng hoa màu. Từ đó, không có căn cứ để xác định nguồn gốc diện tích đất là do ông Ma Kỳ Phụng khai phá và chuyển nhượng lại cho những người sau này.

Việc ông Nguyễn Văn N cho rằng, diện tích đất 104m² (ông nhận chuyển nhượng từ ông Đ) có nguồn gốc là thửa đất 394A, tờ bản đồ số 18, bản đồ 299 xã K theo Sổ thuế Nông nghiệp gia đình số 78 ngày 18/6/1993 mang tên ông Nguyễn Thanh Diễm nên diện tích đất này không phải là đất của Xí nghiệp Nông Công nghiệp Chè T. Đối với Sổ thuế Nông nghiệp gia đình của ông Nguyễn Thanh Diễm thể hiện thửa đất 394a, tờ bản đồ số 18 có diện tích 75m² là loại đất thổ cư, tuy nhiên với các nội dung ghi trong Sổ thuế không thể hiện được ai là người cập nhật nội dung; không có chữ ký, đóng dấu theo quy định (chỉ có chữ ký và không ghi rõ họ tên, chức vụ tại mục “Xác nhận của Ban TNN xã, phường”). Đối với Biên lai thu lệ phí trước bạ số N^o 0002042 tháng 10 năm 1993 (không rõ ngày) chỉ thể hiện người nộp thuế là bà Nguyễn Thị H, loại tài sản là Nhà đất, không thể hiện là nộp thuế đối với diện tích đất nào, thửa đất số bao nhiêu. Đối với Biên lai thu thuế nhà, đất số N^o 005153 ngày 09/5/1996 thể hiện người nộp thuế là ông Nguyễn Văn Đ, nộp thuế đất ở các năm 1994, 1995, 1996; không thể hiện là nộp thuế đối với diện tích đất nào, thửa đất số bao nhiêu, vị trí tại đâu. Tại Biên bản xác minh ngày 05/8/2022 với Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thể hiện: *“Qua kiểm tra tờ bản đồ số 18, bản đồ 299 xã K (Đo đạc năm 1990) và sổ Mục kê (quyển số 2, bộ 2) gồm các tờ*

10 đến 21 thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 20/10/1996 thì không thể hiện có thửa đất 394A có diện tích $104m^2$ hay $75m^2$ ". Qua đó cũng không xác định được thửa số 394A, tờ bản đồ 18 thuộc vị trí nào, mục đích sử dụng thửa đất và không xác định được việc ông Đ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế và các khoản lệ phí theo quy định với diện tích đất nói trên.

Qua kiểm tra hiện trạng thực tế của diện tích đất đang tranh chấp, ngày 05/8/2022, ông Nguyễn Quốc Huy (Công chức Địa chính - Xây dựng – Đô thị và môi trường Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) cung cấp nội dung: “Căn cứ tờ bản đồ số 22, Sổ Mục kê đất đai (01-52) quyển số 1, từ tờ bản đồ số 01 đến 52 được duyệt ngày 12/01/1998 thể hiện: Tại trang số 62, ghi thửa đất số 22 có diện tích $76,1m^2$, loại đất thổ cư, không thể hiện tên chủ sở hữu đất là ai... Thửa đất số 22, tờ bản đồ 22 đo đạc năm 1997, hiện nay là thửa đất số 80, tờ bản đồ 104, có diện tích $80m^2$, tên người sử dụng đất là hộ bà Vũ Thị Thịnh”.

Việc Ủy ban nhân dân huyện S và Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang không có quyết định thu hồi đất đối với ông N vì diện tích đất được thu hồi không thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn N nên Ủy ban nhân dân huyện S và Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang không có quyết định thu hồi đất đối với ông N.

Từ những nhận định trên, toàn bộ diện tích $104m^2$ (sau khi trừ hành lang giao thông còn lại diện tích $76,1m^2$) thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ 22, bản đồ đo đạc năm 1997 (diện tích đất ông N khởi kiện) không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông N nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông N. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Nguyễn Văn N $104m^2$ đất thổ cư vị trí tương đương với đất bị thu hồi hoặc bồi thường bằng tiền với giá trị hiện nay là 2.500.000.000đ.

[2.2] Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N do không được sử dụng diện tích đất từ năm tháng 11/2001 đến khi được bồi thường là 20,5 năm số tiền: $30.000.000đ/năm \times 20,5 năm = 615.000.000đ$.

Từ những nhận định tại mục **[2.1]** phần “**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**” tại bản án này, HĐXX xét thấy diện tích $104m^2$ (sau khi trừ hành lang giao thông còn lại diện tích $76,1m^2$) thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ 22, bản đồ đo đạc năm 1997 (diện tích đất ông N khởi kiện) không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông N; diện tích đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của Xí nghiệp Nông Công nghiệp chè T (đã bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang) nên việc Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thu hồi diện tích đất không phát sinh thiệt hại đối với ông N nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông N. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N do không được sử dụng diện tích đất từ năm tháng 11/2001 đến khi được bồi thường là 20,5 năm số tiền: $30.000.000đ/năm \times 20,5 năm = 615.000.000đ$.

[2.3] Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Văn N số tiền: $(1.490.000\text{đ}/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng}) \times 20,5 \text{ năm} = 213.815.000\text{đ}$.

Từ những nhận định tại mục **[2.1]** và mục **[2.2]** phần “**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**” tại bản án này, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn của ông N. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Văn N số tiền: $(1.490.000\text{đ}/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng}) \times 20,5 \text{ năm} = 213.815.000\text{đ}$.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên.

Xét thấy, các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (03 yêu cầu khởi kiện) của ông Nguyễn Văn N.

[3] Về án phí.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 13; Điều 24; Điều 28; Điều 31; Điều 38 Luật Đất đai năm 1993;

Điều 4; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường cho ông Nguyễn Văn N 104m² đất thổ cư vị trí tương đương với đất bị thu hồi hoặc bồi thường bằng tiền với giá trị hiện nay là 2.500.000.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N do không được sử dụng diện tích đất từ năm tháng 11/2001 đến khi được bồi thường là 20,5 năm số tiền: $30.000.000\text{đ}/\text{năm} \times 20,5 \text{ năm} = 615.000.000\text{đ}$.

- Không chấp nhận yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bồi thường tiền khiếu kiện, tem thư, in ấn theo Luật bồi thường năm 2017 cho ông Nguyễn Văn N số tiền: $(1.490.000\text{đ}/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng}) \times 20,5 \text{ năm} = 213.815.000\text{đ}$.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/4/2023).

Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật là ông Giang Tuấn Anh; Người đại diện theo ủy quyền của ông Giang Tuấn Anh là ông Trần Quốc Toàn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Cường